

Kết quả sau một năm đối mặt với suy thoái

Kinh tế Việt Nam năm 2009 có thể được mô tả ngắn gọn là năm trụ vững trong bão táp của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới; chìm nổi trong thiên tai, dịch bệnh trên diện rộng... nhưng vẫn giữ được tăng trưởng GDP cao nhất trong khối Asean, là một trong 12 quốc gia có tăng trưởng dương, đã chuyển hướng thành công từ các giải pháp chống lạm phát cuối năm 2008 sang chống suy giảm kinh tế năm 2009, vẫn giữ được an toàn hệ thống ngân hàng và kiểm soát được lạm phát chỉ ở mức 6,52%...

Đối mặt với suy thoái, hoạt động ngân hàng năm 2009 cơ bản đã thành công trên 3 phương diện: giữ vững vai trò huyết mạch của nền kinh tế, an toàn hệ thống và tham gia chủ lực trong chiến dịch tín dụng hỗ trợ lãi suất của Chính phủ. Nếu năm qua, nước Mỹ bị phá sản và đóng cửa gần 100 ngân hàng, châu Âu cũng có hàng chục nhà băng bị đóng cửa..., thì hệ thống ngân hàng Việt Nam không những không có ngân hàng nào bị đóng cửa, mà còn ra đời hàng trăm chi nhánh, điểm dịch vụ ngân hàng mới. Toàn hệ

thống vẫn hoạt động trong an toàn, vẫn đảm bảo là huyết mạch quan trọng nhất của nền kinh tế, đã thực thi cơ bản thành công chính sách tiền tệ chuyển hướng từ chống lạm phát sang chống suy thoái và chính sách hỗ trợ lãi suất, đã làm lan tỏa hơn 450 ngàn tỷ dư nợ tín dụng được hỗ trợ lãi suất đến các đối tượng thụ hưởng, góp phần giúp cho rất nhiều doanh nghiệp và nhà sản xuất trụ vững để phát triển. Chính sách tiền tệ và chính sách ngoại hối năm 2009 nói chung cũng đã thích ứng với cơ chế chống suy thoái: nới lỏng có kiểm soát CSTT và tỷ giá. Cụ thể là toàn ngành cũng đã thực thi chính sách kích thích kinh tế và kích cầu tiêu dùng thông qua việc trụ giữ lãi suất cho vay ở mức thấp trong suốt thời gian dài.

Bên cạnh những nỗ lực rất lớn của ngành ngân hàng, còn có chi phí rất lớn từ ngân sách Nhà nước để kim giữ giá vốn. Thực tế, thị trường tín dụng năm qua đã bị chi phối rất mạnh bởi một số thị trường vốn liên quan khác làm cho thị trường này bị phi thị trường hóa. **Trước hết** là, thị trường vàng, gần hết quý 1/2009, giá vàng trong nước còn thấp hơn giá vàng thế giới qui đổi khoảng từ 5 - 7%. Nhiều doanh nghiệp có chức năng đã xuất khẩu vàng thu về được hơn 2 tỷ USD làm cho kim ngạch xuất khẩu quý 1/2009 đã xuất siêu xấp xỉ 2 tỷ USD. Nhưng càng về sau, giá vàng trong nước càng bám đuổi kịp và vượt xa giá vàng thế giới do các hoạt động đầu cơ, sơ tán vốn và găm giữ tạo ra. **Hai là**, thị trường Bất động sản (BDS) nóng dần lên vào thời điểm giữa năm, sau đó tăng chậm dần, "ấm lại", nhưng vẫn ở mức rất cao so với cầu có khả năng thanh toán thực. **Ba là**, TTCK, dù đến thời điểm 2 tháng cuối năm có suy giảm, nhưng nhìn toàn năm, TTCK vẫn tăng trưởng rất mạnh

NGÂN HÀNG VIỆT NAM sau một năm đối mặt với suy thoái

TS - Nguyễn Đại Lai



cả về lượng và giá trị vốn hóa.

Vậy là đến hết quý 2 sang đầu quý 3 cho đến những ngày cuối năm 2009, toàn nền kinh tế dường như chỉ sôi động ở khu vực TTTC và khu vực BĐS.

Khi lãi suất ngân hàng tiếp tục duy trì thấp và đứng yên tương đối lâu, tiền trong túi người dân không dồi dào vì thiếu việc làm và độ phân hoá thu nhập trong doanh nghiệp rất cao, tiền đầu tư của Nhà nước và doanh nghiệp lại rất lớn... thì TTCK năm 2009 cùng với một số thị trường phi sản xuất vật chất khác như vàng, BĐS, tài sản tài chính khác (ngoại tệ) đã trở thành những kênh đầu tư và đầu cơ hấp dẫn hơn. Tuy nhiên các "cần hãm trú ẩn" của vốn không thể cứ nằm mãi trong TTTC và BĐS, mà trước sau cũng phải "trình diện" ra thị trường hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng... Đó sẽ là độ trễ của áp lực lạm phát gần như đã được "hẹn trước" trong năm 2010 và có thể xa hơn nếu không chủ động nhận diện và có giải pháp ứng phó sớm.

Tôi cho rằng, nếu hạn chế chính của kinh tế năm 2009 là ít người mua, nhiều người bán, nên tiền đầu tư phải "sơ tán" vào khu vực phi sản xuất hàng tiêu dùng, người sản xuất phải "sơ tán" bớt ra khỏi dây chuyền sản xuất truyền thống của mình..., thì hạn chế của 2010 sẽ là tiền trong xã hội quá nhiều so với hàng có khả năng đáp ứng và/hoặc so với hàng có khả năng "trung hòa" được vốn đầu tư... khiến lạm phát bùng phát từ trong ra. Mặt khác, nếu nền kinh tế yếu kém, còn phải nhập khẩu, lạm phát do hàng nhập bị "đắt hóa" lên trong thị trường nội địa khi tính bằng đồng nội tệ.

Đồng hành cùng những diễn biến phức tạp của thị trường và đón trước xu thế hồi phục của nền kinh tế, ngoài những hoạt động điều hành thị trường tiền tệ thông suốt, thị trường tín dụng lan tỏa có hiệu quả

chính sách kích thích kinh tế, thị trường ngoại hối suôn sẻ và toàn ngành cơ bản an toàn..., thì từ cuối tháng 11/2009 NHNN đã có một loạt quyết định về điều chỉnh LSCB, tỷ giá, cho nhập khẩu vàng và tiếp tục có các chính sách và hoạt động phối hợp chống găm dư đôla, can thiệp mạnh vào thị trường nội, ngoại tệ liên ngân hàng, kiểm soát tín dụng vào khu vực phi sản xuất hàng hóa, dịch vụ thông thường... Có thể nói, những quyết sách mạnh tay của NHNN trong diễn biến của TTTC đã nới lỏng để chống suy giảm đến tháng 12/2009 như nói trên tuy đã khá muộn, nhưng là rất cần thiết và phản ánh đúng vai trò "dẫn dắt" thị trường của Nhà nước.

Giải pháp phát triển các hoạt động ngân hàng và TTTC

Đối với Chính Phủ:

- Trong bối cảnh vừa cần kích cầu đích thực, vừa cần chống bùng nổ tái lạm phát vào năm 2010, các giải pháp chính sách cần mang nội hàm chỉ rõ địa chỉ để trực tiếp tăng thu nhập và tăng tiền lương thích ứng cho người lao động ở mọi thành phần kinh tế cần được coi là giải pháp mang tính đột phá nhất cùng với các giải pháp mở rộng thị trường tiêu thụ cả ở trong và ngoài nước. Tăng mạnh tiền lương cho người lao động phải kèm theo việc giới hạn và kiểm soát chặt tiền lương và thu nhập của các "đại gia", các vị trí lãnh đạo cao cấp của các tập đoàn kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế. Đặc biệt là ở khu vực kinh tế trong các lĩnh vực khai thác tài nguyên, thiên nhiên, môi trường và quản lý vốn Nhà nước. Gần đây "Thời Báo kinh tế Việt Nam" số 289 ra ngày 3/12/2009 cho biết, thu nhập bình quân của Ban lãnh đạo của Tổng Công ty quản lý vốn Nhà nước tại DN

SCIC đã lên đến 78,5 triệuđ/th, trong khi lương bình quân của công nhân ngành may xuất khẩu chỉ là 1,5 triệu đ/tháng. Cũng theo tờ báo nói trên, lương bình quân của người lao động ở khu vực các DNNN hiện nay là cao nhất, sau đó đến khu vực FDI và cuối cùng là mức thu nhập của người lao động ở khu vực tư nhân, thứ tự qui đổi ra tỷ lệ thu nhập bình quân của người lao động ở các khu vực trên là: 100: 68,4: 56,6.

- Giải ngân đúng tiến độ và bổ sung danh mục các công trình đầu tư công được đánh giá là có hiệu quả; Đầu tư của khu vực NSNN cũng phải theo cơ chế thị trường; Kiểm soát chặt sự thao túng của các tập đoàn công nghiệp trong việc mở rộng hoạt động sang lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Tránh tạo ra những dòng vốn ảo đầu tư chéo sang ngành khác và/hoặc phi đầu tư sản xuất, ẩn chứa nhiều rủi ro.

- Cần tổ chức nghiên cứu lại một cách tổng thể cơ chế "trái thăm dò" đón các dòng đầu tư nước ngoài theo hướng khuyến khích trên cơ sở định hướng các dòng đầu tư này theo kích bản chủ động phát triển công nghiệp phụ trợ và chuyển giao công nghệ của nước ta ở các địa chỉ, các thành phần và ngành kinh tế cụ thể. Việc khơi dậy giá trị quốc gia, niềm tự hào dân tộc về thương hiệu Việt vừa là cấp bách, vừa mang tính nền tảng cho chiến lược phát triển bền vững kinh tế Việt Nam cũng cần được thiết lập bằng cả cơ chế lẫn pháp luật.

Đối với ngành Ngân hàng:

- Nhanh chóng có những chính sách chủ động, linh hoạt khơi thông cho các bình thông nhau giữa các kênh dẫn vốn trong thị trường tài chính bằng cách: Tăng cường việc chuyển vai trò NHNN sang các hoạt động theo chức năng của NHTW, có cơ chế từng bước tự do hoá lãi suất (tiến tới xóa bỏ cơ chế trần lãi suất)

để thị trường tự điều chỉnh có kiểm soát đối với lãi suất huy động và lãi suất cho vay qua ngân hàng; Lấy việc kiểm soát giá trị sức mua đối nội của đồng nội tệ làm cơ sở để kiểm soát tỷ giá hối đoái;

- Các NHTM cần chuyển hướng mạnh từ doanh thu dựa chủ yếu, thậm chí tuyệt đối vào dịch vụ truyền thống "vay để cho vay" sang tăng tỷ trọng các dịch vụ ngân hàng phi tín dụng hoặc "chạy tiếp sức" với TTCK qua nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn thế chấp chứng khoán nợ. Tín dụng qua ngân hàng thương mại tiến tới chủ yếu chỉ là tín dụng ngắn hạn và dịch vụ phi tín dụng, từng bước độc lập hóa các nghiệp vụ hoạt động ngân hàng đầu tư, ngân hàng phát triển trong cấu thành hoạt động đa năng của một Định chế tài chính.

- Các hoạt động thanh tra, giám sát và thu nợ đến kỳ đáo hạn phải coi là khối lượng công việc rất lớn, rất quan trọng không kém những hoạt động nỗ lực của toàn ngành đã thể hiện thắng lợi trong "chiến dịch" cho vay có hỗ trợ lãi suất của Chính Phủ suốt năm qua. Nhưng sau 31/12/2009 mới là thời điểm "đo lường" rủi ro nên phải hết sức thận trọng.

- Sớm hoàn thiện hai Đạo Luật về hoạt động ngân hàng theo hướng NHTW hóa NHNN, thương mại hóa hầu hết các hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng và "điều kiện" hóa tính đặc thù trong sở hữu và hoạt động ngân hàng, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Sớm tham mưu đề xuất với Chính Phủ đệ trình Quốc hội việc xóa bỏ cơ chế khống chế trần lãi suất trong tín dụng thị trường phải không vượt quá 150% lãi suất cơ bản mà thay vào đó là cơ chế sử dụng các lãi suất định hướng của NHTW ở thị trường tái cấp vốn và thị trường liên ngân hàng để chi phối mặt bằng lãi suất trên thị trường tín dụng.

- Cần đề xuất với Chính phủ có ngay chính sách quyết liệt chống đôla hóa. Theo kinh nghiệm ở nhiều nước ngay trong khu vực châu Á đều coi chính sách quản lý ngoại hối là chính sách của Nhà nước, độc lập tương đối với CSTT và Nhà nước giao cho NHTW điều hành chính sách này. Có thể thấy, Singapore, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông... là những ví dụ điển hình trong rất nhiều những quốc gia, hay vùng đặc khu có nền kinh tế mở rất lớn (thậm chí độ mở tới trên 400% GDP như Singapore), dù bao gồm trên thị trường ngoại tệ của các quốc gia đó luôn có mặt hầu hết các loại đồng tiền có khả năng chuyển đổi nhưng không có hiện tượng "ngoại tệ hoá". Ở những nền kinh tế này có chính sách quản lý ngoại hối hết sức nghiêm ngặt, theo đó, việc thanh toán hàng hoá dịch vụ nội địa hoàn toàn chỉ trả qua tài khoản và bằng đồng nội tệ. Các dòng lưu chuyển ngoại tệ chỉ được phép đi qua thị trường tiền tệ chứ tuyệt đối không được trực tiếp đi vào thị trường hàng hoá, dịch vụ phi tài chính trong nước... Việt Nam là một nền kinh tế cũng đã có độ mở rất lớn, đã lên tới ~ 160% GDP nên vấn đề quản lý ngoại hối cũng phải được coi là một trong những quốc sách lớn của Nhà nước. Theo đó, có thể coi những giải pháp sau đây là rất cần được vận dụng và nghiên cứu để từng bước thể chế hóa:

+ Triệt để chống hiện tượng đôla hóa theo nguyên tắc trên lãnh thổ Việt Nam chỉ tiêu tiền Việt Nam.

+ Từng bước giảm quy mô, tiến tới hạn chế đến tối thiểu quy mô thị trường tiền gửi và tín dụng ngoại tệ trong nước.

+ Khuyến khích phát triển ngày càng đa dạng thị trường ngoại tệ gồm đa dạng các ngoại tệ có khả năng chuyển đổi... đáp ứng các nhu

cầu tiện ích về ngoại tệ trong kinh doanh, thanh toán quốc tế với tỷ giá nên ngày càng theo cơ chế thị trường. Từng bước nhất thể hóa tỷ giá trên toàn lãnh thổ, tiến tới chấm dứt tình trạng có 2 thị trường ngoại tệ: thị trường có tổ chức và không có tổ chức với 2 loại tỷ giá khác nhau.

+ Phát hành đều đặn trái phiếu ngoại tệ trong nước có bảo lãnh của Chính phủ để tạo hàng hoá và tính thanh khoản ngoại tệ tốt cho nền kinh tế.

+ Đa dạng hoá hình thức và cơ cấu dự trữ ngoại tệ Nhà nước, đồng thời tăng cường các nghiệp vụ hoán đổi và hiện đại hoá công nghệ thanh toán, đáp ứng tốt nhất, hợp lý nhất nhu cầu ngoại tệ trong thanh toán quốc tế...

+ Sớm thu về một đầu mối duy nhất quyền, chức năng quản lý và sử dụng hiệu quả theo nguyên tắc bảo tồn và phát triển Quỹ dự trữ ngoại hối Nhà nước, cũng như một đầu mối quản lý Nhà nước về kinh doanh vàng miếng, vàng thanh toán tại NHNN...

Năm 2009 là năm cả nền kinh tế lao đao trong khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Việt nam tuy không là ngoại lệ, nhưng cơ bản trụ vững và thành công đã lớn hơn thất bại. Qua khủng hoảng chúng ta đã tìm thấy được chỗ yếu, chỗ mạnh cũng như thu hoạch được khá nhiều bài học quý giá. Ngành NHVN năm qua cũng tỏ rõ vai trò là ngành kinh tế huyết mạch góp phần làm nòng cốt trong việc chèo chống nền kinh tế thoát khỏi họa suy thoái. Hy vọng, những phân tích và đề xuất trong bài viết đã phần nào gợi mở và góp phần giải những bài toán đang đặt ra cho nền kinh tế nói chung và hoạt động ngân hàng nói riêng trong thời kỳ hậu 2009.